ĐỀ 1	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 6 *Thời gian: 90 phút*

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Câu 1: ***Dòng nào nêu đúng nhất các truyện cổ tích con đã được học và đọc thêm?***

A. Thánh Gióng; Em bé thông minh; Thạch Sanh; Sọ Dừa.
B. Cây bút thần; Thánh Gióng; Ông lão đánh cá và con cá vàng; Sọ Dừa.
C. Thạch Sanh; Sọ Dừa; Em bé thông minh; Cây bút thần.
D. Ông lão đánh cá và con cá vàng; Sọ Dừa; Thạch Sanh; Sự tích Hồ Gươm.

Câu 2: ***Trong các nhận định sau, nhận định nào nói đúng nội dung truyện "Treo biển"?***

A. Đề cao ân nghĩa trong đạo làm người.
B. Ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của con người.
C. Phê phán những người thiếu chủ kiến, ba phải.
D. Phê phán sự tham lam bội bạc của con người.

Câu 3: ***Dòng nào sau đây không có trong định nghĩa truyện trung đại?***

A. Là những truyện mang đậm tính giáo huấn, triết lí.
B. Là những truyện có cốt truyện đơn giản, mang ý nghĩa sâu sắc.
C. Là những truyện được truyền miệng trong dân gian.
D. Là những truyện được viết trong thời trung đại (từ thế kỉ X đến thế kỉ XIX).

Câu 4: ***Câu nào dưới đây có số từ?***

A. Mấy tháng nghỉ hè đã trôi qua.
B. Tất cả chúng tôi đều thích thầy giáo mới.
C. Sau ba hồi trống dài, học sinh dưới sân trường đều tập trung đi vào lớp.
D. Đôi bạn ấy ngồi cạnh nhau trong các buổi học.

Câu 5: ***Dòng nào sau đây là cụm tính từ ?***

A. Những cành hoa tươi thắm
B. Đen như cột nhà cháy
C. Một màu đen huyền bí
D. Đùng đùng nổi giận

Câu 6: ***Nhận xét nào sau đây không đúng với dạng văn kể chuyện tưởng tượng?***

A. Không được tưởng tượng tùy tiện mà phải dựa vào thực tế.
B. Kể đúng như câu chuyện có trong thực tế bằng lời văn của mình.
C. Xác định rõ ý nghĩa, mục đích của truyện
D. Sử dụng các biện pháp so sánh, nhân hóa phù hợp

PHẦN II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 1 (1,5 điểm). ***Cho những câu thơ sau: "Một ngôi sao, chẳng sáng đêm***
Một thân lúa chín, chẳng nên mùa vàng."
(Tiếng ru - Tố Hữu)

a) Có các số từ nào trong những câu thơ trên?
b) Việc sử dụng những số từ ấy có tác dụng nhấn mạnh điều gì trong lời thơ?
c) Xác định một cụm động từ trong các câu thơ.

Câu 2 (1,5 điểm). Trong chương trình Ngữ văn 6 kì I, con đã được học những câu chuyện sâu sắc về nội dung và giàu giá trị nghệ thuật. Hãy viết đoạn văn ngắn (khoảng 5 đến 7 câu) nêu cảm nhận của con về truyện ngụ ngôn ***"Thầy bói xem voi".***

Câu 3 (4 điểm). **C**họn một trong hai đề sau:

Đề 1: Kể về một người gần gũi, thân quen với em ở trường lớp (bạn bè, thầy cô giáo, cô phụ trách bán trú, bác bảo vệ, bác lao công…).

Đề 2: Nhập vai một nhân vật trong truyện ***"Thánh Gióng"*** và kể lại câu chuyện.

——— Hết ———

(Giáo viên coi thi không giải thích gì thêm và thu lại đề sau khi kiểm tra)

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I - NGỮ VĂN 6

I. TRẮC NGHIỆM: (2 điểm)

Câu	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
Đáp án	*C*	*C*	*C*	*C*	*B*	*B*

II. TỰ LUẬN: (7 điểm)

Bài 1: *(1.5 điểm)* Mỗi ý đúng được 0.5 điểm.

a. Các số từ trong câu thơ là: một / một

b.Ýnghĩa:

- Một: chỉ số ít, sự đơn lẻ yếu ớt

→ Nhấn mạnh ý nghĩa: một cá nhân riêng lẻ không thể làm nên thành quả lớn lao

→ Từ đó câu thơ đề cao tinh thần đoàn kết đồng lòng của con người, sức mạnh của tập thể.

(hs chỉ trả lời 1 trong 2 ý trên vẫn cho điểm tối đa)

c.Cụm động từ: *chẳng nên mùa vàng*

Bài 2*: (1,5 điểm)* Yêu cầu HS viết đúng theo mô hình đoạn cảm nhận, đủ số câu:

- *Câu 1:* Giới thiệu tác phẩm (Truyện ngụ ngôn ***" Thầy bói xem voi")*** và ấn tượng khái quát của mình về tác phẩm. (0.25 điểm)
- *Các câu tiếp theo*: Trình bày cảm nhận về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm
  + ***Nghệ thuật:*** Tình huống truyện độc đáo, lời kể ngắn gọn, dễ nhớ, chi tiết chọn lọc gây cười. (0,5 điểm)
  + ***Nội dung:*** Từ câu chuyện chế giễu cách xem voi và phán về voi của năm ông thầy bói, truyện khuyên người ta: muốn hiểu biết sự vật, sự việc phải xem xét chúng một cách toàn diện, không được bảo thủ, chủ quan, đoán mò. Truyện cho ta bài học về cách nhận thức, đánh giá sự vật, con người. (0,5 điểm)
- *Câu cuối:* Khẳng định cảm nghĩ của mình về tác phẩm. (0.25 điểm)

(HS viết thiếu số câu hoặc thừa nhiều – 0.25 điểm, HS mắc các lỗi diễn đạt, chính tả tùy theo mức độ GV trừ điểm)

Bài 3: *(4 điểm)*

Y^a^u cÇu chung:

- Bè côc râ rµng, m¹ch l¹c
- X©y dùng nh©n vËt , t×nh huèng truyÖn hîp lÝ, hÊp dÉn
- DiÔn ®¹t s¸ng râ, biÓu c¶m
- Kh«ng m¾c lçi diÔn ®¹t, lçi chÝnh t¶

Đề 1:

1. Mở bài (0.5 điểm): Giới thiệu người định kể: Là ai ? Người được kể có quan hệ gì với em? Ấn tượng chung ?

2. Thân bài (3 điểm):

a. Ngoại hình : Tuổi tác? Tầm vóc? Dáng người? Khuôn mặt? Mái tóc? Mắt? Mũi? Miệng? Làn da? Trang phục?...(Biết kể vào một chi tiết ngoại hình ấn tượng nhất)

b. Kể chi tiết : (Tùy từng người mà kể cho phù hợp)

* Nghề nghiệp, việc làm (những động tác, cử chỉ, hành động, việc làm hằng ngày...)
* Sở thích, sự đam mê
* Tính tình : Biểu hiện? Lời nói? Cử chỉ? Hành động với em, với những người xung quanh?
* Kỉ niệm đáng nhớ với người ấy?

3. Kết bài (0.5 điểm): Tình cảm, cảm nghĩ về người em đã tả ? Yêu thích, tự hào, ước nguyện?...

Đề 2:

*** HS có thể nhập vai: Thánh Gióng, bà mẹ Gióng, ngựa sắt … để kể lại câu chuyện.**

*** Dàn ý tham khảo:**

1. Mở bài (0.5 điểm): Tạo tình huống tự nhiên để nhân vật giới thiệu mình và lí do kể lại câu chuyện:

- Giới thiệu tên, nơi ở…
- Lý do kể lại truyền thuyết

2. Thân bài (3 điểm): Kể lần lượt diễn biến của truyền thuyết một cách hợp lí khi nhập vai nhân vật.

– Bà mẹ Gióng ướm chân lên vết chân to mang thai và đẻ ra Gióng
– Gióng lên ba không nói không cười
– Sứ giả đến Gióng xung phong đi giết giặc
– Gióng lớn nhanh như thổi
– Gióng vươn vai thành tráng sĩ xung trận giết giặc
– Gióng bay về trời

3. Kết bài (0.5 điểm): Nêu kết thúc phù hợp với tình huống đã xây dựng ở mở bài

ĐỀ 2	**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I** **Môn NGỮ VĂN LỚP 6** *Thời gian: 90 phút*

I. Trắc nghiệm (2 điểm)

***Câu 1* (1điểm)**: *Đọc kĩ đoạn văn và các câu hỏi, sau đó trả lời bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đầu câu trả lời đúng nhất*

" ... Khi cậu bé vừa khôn lớn thì mẹ chết. Cậu sống lủi thủi trong một túp lều cũ dựng dưới gốc đa, cả gia tài chỉ có một lưỡi búa của cha để lại. Người ta gọi cậu là Thạch Sanh. Năm Thạch Sanh bắt đầu biết dùng búa, Ngọc Hoàng sai thiên thần xuống dạy cho đủ các môn võ nghệ và các phép thần thông"

1. Nhân vật chính trong đoạn trích trên là:

A. Thánh Gióng B. Thạch Sanh
C. Lạc Long Quân D. Lang Liêu

2. "Thiên thần" là từ mượn

A. Đúng B. Sai

3. Đoạn văn trên được viết theo phương thức biểu đạt nào ?

A. Biểu cảm C. Thuyết minh
B. Nghị luận D. Tự sự

4. Dòng nào dưới đây là phần trung tâm của cụm danh từ " mọi phép thần thông"?

A. Thần thông B. Mọi
C. Phép D.Thần

Câu 2(0,5 điểm): Điền từ còn thiếu vào chỗ trống để hoàn thiện khái niệm

(1)..... là từ chỉ người, vật, hiện tượng, khái niệm. Chức vụ điển hình trong câu của danh từ là làm (2).....

Câu 3(0,5 điểm): Nối cột A với cột B để hoàn thiện các khái niệm

Cột A	Nối	Cột B

1. Từ láy 2. Từ đơn 3. Từ ghép	1+ 2+	a. là từ chỉ gồm một tiếng b. Từ gồm hai hoặc nhiều tiếng có quan hệ về âm với nhau

II. Tự luận (8 điểm)

Câu 4 (1điểm): Cho câu sau, phát hiện lỗi sai và sử lại cho đúng

Một số bạn còn bàng quang với lớp.

Phát hiện lỗi sai và sửa lại cho đúng

Lỗi sai:.....

Sửa:.....

Câu 5 (2 điểm): Tìm các danh từ chỉ sự vật mà em biết, phát triển một trong các danh từ đó thành cụm danh từ và đặt câu

Câu 6 **(5 điểm):** Kể một kỉ niệm với thầy hoặc cô giáo của em.

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

Phần I: Trắc nghiệm(2 điểm)

Mỗi ý đúng được 0,25 điểm

Câu	1				2	3
	1	**2**	**3**	**4**		
Đáp án	B	A	D	C	danh từ, chủ ngữ	1 + b 2 + a

Phần II: Tự luận(8 điểm)

Câu 4 (1 điểm)

- Thay từ: Bàng quang = bàng quan (0,5)
- Sửa lại: Có một số bạn còn bàng quan với lớp(0,5)

Câu 5 (2 điểm):

Các danh từ chỉ sự vật: nhà, cửa, chó, mèo

Phát triển thành cụm danh từ: Những con mèo

Đặt câu: Những con mèo nhà em rất đẹp

Câu 6(5 điểm)

a. Nội dung

***. Mở bài(0,5 điểm)**

- Giới thiệu kỉ niệm với thầy cô gáo của em.

***. Thân bài(4 điểm)**

- Tự giới thiệu về mình và quan hệ với thầy cô giáo.
- Tình huống xảy ra sự việc.

***. Kết bài(0,5 điểm)**

- Em hiểu và kính trọng thầy cô giáo của mình.
- Nhớ mãi tình cảm của thầy cô.

b. Hình thức

Bài viết gồm 3 phần : Mở bài, thân bài, kết bài được trình bày khoa học, rõ ràng và diễn đạt mạch lạc ...

c, Kĩ năng : Có kĩ năng làm văn tự sự

ĐỀ 3	**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I** **Môn NGỮ VĂN LỚP 6** *Thời gian: 90 phút*

Câu 1. (2 điểm) Thế nào là truyền thuyết? Kể tên hai truyện truyền thuyết đã được học (Không kể tên các truyện truyền thuyết hướng dẫn đọc thêm)

Câu 2. (3 điểm) Tìm số từ trong bài thơ sau. Xác định ý nghĩa của các số từ ấy.

Không ngủ được.

Một canh ...hai canh...lại ba canh.
Trằn trọc băn khoăn, giấc chẳng thành;
Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt,
Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh. (Hồ Chí Minh)

Câu 3. (5 điểm) :Hãy kể lại truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh theo ngôi kể thứ nhất.

ĐÁP ÁN

Câu 1: (2đ)

- Truyền thuyết là loại truyện dân gian kể về các nhân vật, sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ, thường có yếu tố tưởng tượng kỳ ảo. Truyền thuyết thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với các nhân vật, sự kiện lịch sử được kể. (2đ)

Kể tên hai truyện truyền thuyết:

- Thánh Gióng
- Sơn Tinh, Thủy Tinh

Câu 2 : (3 điểm)

- Số từ : Một, hai,ba,năm (Năm cánh), bốn, năm (Canh năm). (1,5 điểm - 0,25đ/từ)

+ Một, hai, ba, năm(Năm cánh) : Số từ chỉ số lượng. (1 điểm)

+ Bốn, năm(Canh năm) : Số từ chỉ thứ tự. (0,5 điểm)

Câu 4. (5 điểm)

A. <u>Yêu cầu chung</u>:

- Thể loại: Tự sự
- Nội dung: Kể lại truyện "Sơn Tinh, Thủy Tinh"
- Biết lựa chọn nhân vật đóng vai xưng "tôi".

B. <u>Yêu cầu cụ thể</u> :

<u>Bài làm cần đảm bảo một số nội dung sau</u>:

<u>Kể lại nội dung câu chuyện theo trình tự diễn biến sự việc như sau</u>:

- Giới thiệu sự việc vua Hùng kén rể cho Mị Nương.
- Sơn Tinh, Thủy Tinh đến cầu hôn.
- Vua Hùng ra điều kiện chọn rể.
- Sơn Tinh đến trước được vợ.
- Thủy Tinh đến sau, tức giận, dâng nước đánh Sơn Tinh.
- Hai bên giao chiến hàng tháng trời: Sơn Tinh vẫn vững vàng, Thủy Tinh đã kiệt sức.
- Cuối cùng Thủy Tinh Thua, rút quân về.
- Hằng năm Thủy Tinh làm mưa gió, bão lụt dâng nước đánh Sơn Tinh.

C/ <u>Biểu điểm</u>:

- Điểm 4-5: Đảm bảo các yêu cầu trên, biết lựa, sáng tạo về kĩ năng cũng như nội dung, lời văn trong sáng, trôi chảy

- Điểm 3 -<4: Đảm bảo các yêu cầu trên nhưng diễn đạt đôi chỗ còn vụng, không sáng tạo trong khi kể

- Điểm 2 -<3: Chưa đảm bảo được yêu cầu của bài tập làm văn, xác định đúng ngôi kể thứ nhất, lời văn lủng củng nhiều chỗ, bài làm bẩn, cẩu thả

- Điểm 1 -< 2: Không đảm bảo được yêu cầu của bài tập làm văn, kể không đúng ngôi kể, lời văn lủng củng, sai nhiều lỗi

- Điểm 0 - <1 : lam sơ sài hoặc Không làm được bài (bỏ giấy trắng hoặc ghi vài câu vô nghĩa)

ĐỀ 4	**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I** **Môn NGỮ VĂN LỚP 6** *Thời gian: 90 phút*